

BÁO CÁO

Tình hình hiện dự toán NSNN Quý II năm 2019 của Sở Công Thương

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước 2015 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu NSNN – chi ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ báo cáo số 2806 /BC-SCT ngày 05/8/2019 của Sở Công Thương về tình hình hiện dự toán NSNN Quý II năm 2019 của Cơ quan Sở Công Thương,

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-TTXXTTM ngày 23/7/2019 của Trung tâm Xúc tiến thương mại về việc bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II/2019 của Trung tâm Xúc tiến thương mại;

Căn cứ Báo cáo số 62/BC-KC&TV ngày 19/7/2019 của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp về tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý II/2019;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ thu-chi NSNN quý II/2019, Sở Công Thương báo cáo số liệu thực hiện dự toán NSNN Quý II năm 2019 như sau:

1. Tình hình thực hiện dự toán thu phí, lệ phí Quý II/2019

Trong Quý II/2019, Sở Công Thương có tổng số thu phí, lệ phí là 105.060.000 đồng, đạt 42,71% so với dự toán giao đầu năm và hơn 74,8% so với cùng kỳ năm trước.

Số tiền nộp NSNN là 32.272.000 đồng, đạt 32,93% so với dự toán giao đầu năm và giảm 71,95% so với cùng kỳ năm trước.

Số tiền chi cho quản lý hành chính từ nguồn thu phí để lại là 15.075.000 đồng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN Quý II/2019

Tổng chi NSNN Quý II/2019 của Sở Công thương là **4.746.118.285 đồng**, đạt 11,21% so với dự toán giao đầu năm và giảm 5,25% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Chi quản lý nhà nước: 2.950.364.997 đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế: 1.784.374.539 đồng.
- Chi sự nghiệp môi trường: 11.378.749 đồng.

*** Cơ quan Sở Công Thương**

a) Chi quản lý nhà nước

Tổng chi quản lý nhà nước là 2.950.364.997 đồng, trong đó:

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên

Trong Quý II/2019, cơ quan Sở Công Thương sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên là 2.319.422.637 đồng, đạt 25,45% so với dự toán giao đầu năm.

c) Kinh phí không thường xuyên

Trong Quý II/2019, cơ quan Sở Công Thương sử dụng kinh phí hoạt động không thường xuyên là 630.942.360 đồng, đạt 11,87% so với dự toán giao đầu năm.

d) Chi sự nghiệp kinh tế

Trong Quý II/2019, kinh phí chi sự nghiệp kinh tế thực hiện là 4.507.776 đồng, đạt 0,51% so với dự toán giao đầu năm.

e) Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường

Trong Quý II/2019, kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện là 11.378.749 đồng, đạt 0,31% so với dự toán giao đầu năm.

*** Trung tâm Xúc tiến Thương mại**

Chi sự nghiệp kinh tế

a) Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên

Trong Quý II/2019, Trung tâm XTTM đã sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên là 372.848.000 đồng, đạt 20,8% so với dự toán giao đầu năm.

b) Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên

Trong Quý II/2019, Trung tâm XTTM đã sử dụng kinh phí hoạt động không thường xuyên là 786.613.000 đồng đạt 12% so với dự toán giao đầu năm.

*** Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp**

a) Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên

Chi sự nghiệp kinh tế

Trong Quý II/2019, Trung tâm KC&TVPTCN đã sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên là 404.401.813 đồng, đạt 22,6% so với dự toán giao đầu năm.

b) Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên

Trong Quý II/2019, Trung tâm KC&TVPTCN đã thực hiện kinh phí chi không thường xuyên là 216.003.950 đồng, đạt 1,6% so với dự toán giao đầu năm.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý II năm 2019 của ngành Sở Công Thương./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Ban GD Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- TTXTTM;
- TTKC&TVPTCN;
- Ban Website Sở;
- Lưu: VT, KH.

Dương Minh Dũng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II/2019 như sau:

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019			Tổng Dự toán năm 2019	Ước thực hiện quý II/2019			Tổng ước thực hiện quý 2/2019	Tổng ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Tổng ước thực hiện quý 2 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp			
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	246.000.000	0	0	246.000.000	105.060.000	0	0	105.060.000	42,71%	74,84%
1	Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	106.000.000	0	0	106.000.000	20.200.000	0	0	20.200.000	19,06%	17,44%
2	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hoạt động hóa chất	15.000.000	0	0	15.000.000	7.200.000	0	0	7.200.000	48,00%	-25,00%
3	Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000	0	0	25.000.000		0	0	0	0,00%	-
4	Phí Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	0	0	0	0	7.500.000	0	0	7.500.000	-	66,67%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019			Tổng Dự toán năm 2019	Ước thực hiện quý II/2019			Tổng ước thực hiện quý 2/2019	Tổng ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Tổng ước thực hiện quý 2 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp			
5	Phí Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	100.000.000	0	0	100.000.000	69.360.000	0	0	69.360.000	69,36%	279,22%
6	Phí Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động lĩnh vực điện lực	0	0	0	0	800.000	0	0	800.000	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại										
1	Chi quản lý hành chính				148.000.000	15.075.000			15.075.000	10,19%	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					0			0	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	148.000.000			148.000.000	15.075.000			15.075.000	10,19%	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	98.000.000	0	0	98.000.000	32.272.000	0	0	32.272.000	32,93%	71,95%
1	Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại	53.000.000	0	0	53.000.000	10.100.000	0	0	10.100.000	19,06%	17,44%
2	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hoạt động hóa chất	25.000.000	0	0	25.000.000	720.000	0	0	720.000	2,88%	-25,00%
3	Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	10.000.000	0	0	10.000.000		0	0	0	0,00%	-
4	Phí Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	0	0	0	0	7.500.000	0	0	7.500.000	-	66,67%
5	Phí Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	10.000.000	0	0	10.000.000	13.872.000	0	0	13.872.000	138,72%	279,22%
6	Phí Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động lĩnh vực điện lực	0	0	0	0	80.000	0	0	80.000	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.990.379.792	8.363.603.345	14.986.690.171	42.340.673.308	2.966.251.522	1.159.461.000	620.405.763	4.746.118.285	11,21%	-5,25%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019			Tổng Dự toán năm 2019	Ước thực hiện quý II/2019			Tổng ước thực hiện quý 2/2019	Tổng ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Tổng ước thực hiện quý 2 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp		Cơ quan Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến thương mại	TT Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp			
1	Chi quản lý nhà nước	14.429.379.792	0	0	14.429.379.792	2.950.364.997	0	0	2.950.364.997	20,45%	-1,87%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.112.379.792	0	0	9.112.379.792	2.319.422.637	0	0	2.319.422.637	25,45%	7,33%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.317.000.000	0	0	5.317.000.000	630.942.360	0	0	630.942.360	11,87%	-25,36%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	885.000.000	8.363.603.345	14.986.690.171	24.235.293.516	4.507.776	1.159.461.000	620.405.763	1.784.374.539	7,36%	-10,91%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	1.793.603.345	1.784.690.171	3.578.293.516	0	372.848.000	404.401.813	777.249.813	21,72%	-24,62%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	885.000.000	6.570.000.000	13.202.000.000	20.657.000.000	4.507.776	786.613.000	216.003.950	1.007.124.726	4,88%	3,64%
3	Chi sự nghiệp môi trường	3.676.000.000	0	0	3.676.000.000	11.378.749	0	0	11.378.749	0,31%	-47,09%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.676.000.000	0	0	3.676.000.000	11.378.749	0	0	11.378.749	0,31%	-47,09%

Ngày tháng năm 2019

GIÁM ĐỐC

Dương Minh Dũng